VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 16.06.2025 17:55:14 +07:00

TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 173/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: C
Ngày: 16/6/2025

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 158/2024/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2024 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; số 159/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 284/TTr-BTC ngày 06/5/2025;

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn thu phí được khấu trừ để lại, nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo chế độ được giao đầu năm 2025 để chi thường xuyên của các đơn vị dự toán thuộc các bộ, cơ quan ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024 sau khi loại trừ khoản tăng thêm của một số nội dung chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn thu phí được khấu trừ để lại, nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo chế độ được giao đầu năm để chi thường xuyên của các đơn vị dự toán thuộc các bộ, cơ quan ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 07 tháng cuối năm 2025 sau khi loại trừ một số nội dung chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này và số đã thực hiện tiết kiệm tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách xác định số kinh phí tiết kiệm theo Nghị quyết này và gửi cơ quan quản lý cấp trên rà soát, tổng hợp.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các cấp quyết định số kinh phí tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chi tiết theo từng lĩnh vực chi gửi Kho bạc nhà nước để kiểm soát chi.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nộp ngân sách trung ương số kinh phí tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước và nguồn thu phí được khấu trừ để lại.

2. Kinh phí tiết kiệm được quản lý như sau:

a) Các bộ, cơ quan ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp, báo cáo kinh phí tiết kiệm gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 để tổng hợp số tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan ở trung ương (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) và địa phương, báo cáo Chính phủ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Kinh phí tiết kiệm chi phí quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện nộp vào các Quỹ Bảo hiểm xã hội, Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp, Quỹ Bảo hiểm y tế tương ứng. Kinh phí tiết kiệm của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam từ nguồn thu 2% kinh phí công đoàn chuyển sang năm sau sử dụng theo quy định. Đối với kinh phí khoán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thực hiện tiết kiệm khi xây dựng phương án khoán kinh phí năm 2025.

c) Đối với kinh phí tiết kiệm từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí: Căn cứ quyết định tiết kiệm của cơ quan chủ quản, các cơ quan, đơn vị thực hiện nộp kinh phí tiết kiệm vào ngân sách nhà nước. Đến hết năm ngân sách, trường hợp số thu có biến động so với dự toán giao đầu năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định điều chỉnh kinh phí tiết kiệm như quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Đối với kinh phí tiết kiệm từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại: Căn cứ quyết định tiết kiệm của cơ quan chủ quản, các cơ quan, đơn vị trích vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để tăng đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp. Đến hết năm ngân sách, trường hợp số thu có biến động so dự toán giao đầu năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định điều chỉnh kinh phí tiết kiệm như quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội đưa vào Nghị quyết kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV nội dung sau: "*Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 07 tháng cuối năm 2025 để bổ sung đầu tư cho tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng; giao Chính phủ tổ chức thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất*".

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- TTgCP, các PTTg;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 96

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Hồ Đức Phớc

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG KHÔNG THỰC HIỆN TIẾT KIỆM

(Kèm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

1. Các khoản chi lương, có tính chất tiền lương và các khoản chi cho con người:

a) Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương dự toán năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định;

b) Các khoản chi lương, có tính chất tiền lương và các khoản chi cho con người, chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

c) Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội đã được cấp có thẩm quyền quyết định; các khoản chi cho con người theo chế độ (bao gồm: kinh phí tinh giản biên chế; học bổng, chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên; chi hỗ trợ nhân sỹ khó khăn; tiền ăn, tiền thưởng theo chế độ quy định, tiền thuê chuyên gia, tiền công và các khoản chi cho con người khác; tiền công và các khoản chi cho con người của các cuộc điều tra thống kê, thực hiện các chính sách về bảo vệ và phát triển rừng; các khoản phụ cấp đặc thù của từng ngành kể cả bằng tiền và hiện vật; kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí theo chế độ quy định; quỹ nhuận bút, giải thưởng văn học, nghệ thuật...);

2. Các khoản chi theo các cam kết quốc tế: Chi từ nguồn vốn ngoài nước; vốn đối ứng để thực hiện các dự án ODA; các khoản chi đóng niên liễm; kinh phí thực hiện thoả thuận hoà giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đã hoàn thành trước ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết này; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, các gói thầu đã được phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết này và tiếp tục thực hiện trong năm 2025.

4. Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chính trị, chuyên môn đặc thù, quan trọng không thực hiện cắt giảm:

a) Kinh phí kỳ họp Quốc hội, hoạt động của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội; kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, báo chí phục vụ hoạt động Quốc hội; kinh phí hỗ trợ xây dựng Luật, pháp lệnh; kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo tại Việt Nam; kinh phí sản xuất hiện vật khen thưởng; kinh phí kỳ họp Hội đồng nhân dân, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; kinh phí tổ chức đại hội đảng các cấp.

b) Kinh phí hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan Việt Nam khác ở nước ngoài; các hoạt động ngoại giao quốc gia khác của Bộ Ngoại giao; kinh phí hỗ trợ, bảo hộ công dân và pháp nhân Việt

Nam ở nước ngoài; kinh phí phục vụ nhiệm vụ đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ;

c) Kinh phí đào tạo lưu học sinh nước ngoài ở Việt Nam và đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài diện Hiệp định; kinh phí thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

d) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hợp tác khoa học kỹ thuật với một số nước theo Hiệp định hoặc Nghị định thư.

đ) Kinh phí các hoạt động phục vụ công tác y tế dự phòng (phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm, các nhiệm vụ đặc thù chuyên môn cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, an toàn thực phẩm, công tác dân số, các nhiệm vụ mua vắc xin, kiểm nghiệm thuốc, nước, dược phẩm...); kinh phí hoạt động chỉ đạo tuyến, hướng dẫn hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên cán bộ chuyên môn từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đã được duyệt; kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc cho bệnh nhân Tâm thần, Phong, Lao tại các cơ sở y tế;

e) Kinh phí hoạt động phục vụ phiên tòa; kinh phí hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của cơ quan kiểm sát nhân dân; kinh phí giám định phục vụ hoạt động của cơ quan tư pháp, thanh tra, kiểm toán; kinh phí hoạt động của đoàn Hội thẩm, kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án, tiêu hủy tang vật, kinh phí thừa phát lại; kinh phí thực hiện hoà giải, đối thoại theo Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; kinh phí bồi thường thiệt hại; kinh phí thực hiện Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục Toà án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và cơ sở cai nghiệm bắt buộc; kinh phí thực hiện Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toá án nhân dân; kinh phí hỗ trợ phục vụ cho công tác họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện do Tòa án thực hiện theo quy định của Bộ Luật Hình sự sửa đổi; kinh phí hỗ trợ thi hành án tử hình;

g) Kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

h) Kinh phí mua gạo xuất cấp theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.